

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HSST
Ngày 30-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Na Na
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông Đỗ Thanh Đình
 - + Bà Nguyễn Thị Xuân Thương
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đình Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24-5-2024 và ngày 30-5-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Thông báo số 54/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc chuyển ngày xét xử vụ án đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Thúy M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: bán hàng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê N (chết) và bà Trần Thị Hồng S; có chồng: Phạm Hiệp, có 03 người con: lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2022 đến ngày 19/12/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Cảnh D, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phúc Á và bà Trần Thị D1 (chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/11/2022 đến ngày 06/01/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ A, phường L, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
2. Bà Huỳnh Thị Túy H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B, phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
3. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ F, phường N, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
4. Bà Phạm Thị Bích T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi
5. Chị Võ Thị Ngọc H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
6. Bà Đặng Thị D2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ C, phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
7. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
8. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn K, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
9. Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn K, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
10. Bà Trương Thị Mỹ N1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn G, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
11. Bà Kiều Việt H2, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ H, phường N, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
12. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ F, phường N, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
13. Bà Huỳnh Thị Thu H3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
14. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn K, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
15. Chị Võ Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã N, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;
16. Bà Lê Thị Ngân T3, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ B, phường N, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
17. Bà Phạm Thị Mỹ D3, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
18. Bà Nguyễn Thị Hồng L1, sinh năm 1986; địa chỉ: A N, phường L, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
19. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;

20. Bà Trần Thị N2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;

21. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S; tỉnh Quảng Ngãi;

22. Bà Nguyễn Thị Hồng S1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn K, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;

23. Chị Phạm Thị Kim N3, sinh năm 1993; địa chỉ: C P, phường N, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi;

24. Bà Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;

25. Bà Hồ Thị Kim L3, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ A, phường T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

26. Chị Võ Thị D4, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;

27. Anh Nguyễn Hoàn N4, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S; tỉnh Quảng Ngãi;

28. Chị Phan Thị T4, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã T, Thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi;

29. Anh Nguyễn Tấn H4, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S; tỉnh Quảng Ngãi;

30. Bà Văn Thị H5, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, phường L, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi;

31. Anh Phạm H6, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn C, xã T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi;

32. Ngân hàng TMCP T11 - Chi nhánh Q2;

Đại diện của Ngân hàng TMCP T11: Chị Trần Thị Thu T5, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số G Q, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi;

33. Chị Lê Thị Xuân M2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S; tỉnh Quảng Ngãi;

34. Anh Lê Trung M3, sinh năm 1991;

35. Chị Nguyễn Thị N5, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên toà, có chị Trần Thị Thu T5 là người đại diện của Ngân hàng TMCP T11 có mặt tại toà. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2021, Lê Thị Thúy M hoạt động cho vay tiền, thu lãi của người dân trên địa bàn thành phố Q và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với phương thức: Thông qua mối quan hệ quen biết, ai có nhu cầu vay tiền thì liên hệ M; từ đó M hẹn gặp trực tiếp người vay tiền nói chuyện và thỏa thuận việc cho vay tiền; M yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền, còn lãi suất thỏa thuận miệng dao động từ 0,33%/ngày đến 0,50%/ngày. Để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, Lê Thị Thúy M sử dụng 16 cuốn sổ ghi số tiền vay và các lần trả tiền gốc và lãi của người vay.

Đến tháng 10/2022, Lê Thị Thúy M gặp Nguyễn Cảnh D (là bạn học thời THPT của Mỹ); thời gian này, M nhờ D chỉ cho M thực hành lái xe ô tô, rồi Mỹ đưa xe ô tô biển số kiểm soát 76A-176.32 cho D chở M đi cho vay tiền, đến nhà người vay thu nợ, nhắc nợ và in những hình ảnh vay nợ dán trước nhà đối với những người vay chậm trả lãi. Từ thời điểm đó, hàng ngày Nguyễn Cảnh D điều khiển xe ô tô biển số 76A-176.32 chở Lê Thị Thúy M đi cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Q và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Việc thu nợ vay bằng hình thức, D điều khiển xe ô tô 76A-176.32 chở M đến trực tiếp nhà người vay thu hoặc hẹn người vay tại điểm khác để thu hoặc bằng hình thức người vay chuyển tiền vào số tài khoản 101800569576 Ngân hàng TMCP C2, chi nhánh Q2 (V2) của Lê Thị Thúy M. Trường hợp người vay chậm trả thì M gọi điện hoặc nhắn tin nhắc nợ và có lời đe dọa người vay, yêu cầu người vay trả tiền; người vay không trả tiền thì M nói Dương in hình của người vay có dòng chữ đòi nợ rồi D đến dán trước nhà của người vay. Nguyễn Cảnh D chở Lê Thị Thúy M đi thu tiền cho vay lãi nặng xuất phát từ tình cảm, thỉnh thoảng M đưa cho D từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng hoặc khi ăn uống thì M trả tiền. Số tiền lãi thu hàng ngày Mỹ trực tiếp cất giữ.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 25/3/2022 đến 24/11/2022, Lê Thị Thúy M đã cho 30 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 3.445.000.000 đồng, tiền lãi đã thu là 344.900.000 đồng, trong đó lãi suất theo qui định của pháp luật là 48.613.425 đồng, lãi suất vượt mức quy định là 296.286.575 đồng. Số tiền thu lợi bất chính Lê Thị Thúy M thu được từ hoạt động cho vay lãi nặng là 296.286.575 đồng, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị T vay 13 (mười ba) lần với tổng số tiền vay là 260.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 800.000 đồng. Số tiền gốc đã trả là 246.400.000 đồng, tiền lãi đã trả cho M là 26.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định là 3.375.342 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 22.624.658 đồng.

2. Bà Huỳnh Thị Túy H vay 02 (hai) lần với tổng số tiền vay 40.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 800.000 đồng. Tiền gốc đã trả 32.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.260.274 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.739.726 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng L vay 07 (bảy) lần với tổng số tiền vay là 190.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng và 1.000.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 183.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 19.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 3.008.219 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 15.991.781 đồng.

4. Bà Phạm Thị Bích T1 vay 21 (hai mươi một) lần với tổng số tiền vay là 315.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày (tương đương với 122%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 302.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 31.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 4.972.603 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 26.527.397 đồng.

5. Bà Võ Thị Ngọc H1 vay 06 (sáu) lần với tổng số tiền vay 90.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày (tương đương với 122%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng, bà H1 đã trả cho M đủ tiền gốc đã vay. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.479.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.520.548 đồng.

6. Bà Đặng Thị D2 vay 07 (bảy) lần với tổng số tiền vay là 130.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 800.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 117.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 13.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.605.479 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.394.521 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị K vay 03 (ba) lần với tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày (tương đương với 122%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 39.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 649.315 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.850.685 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị T2 vay 08 (tám) lần với tổng số tiền vay là 125.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,41%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 151%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng, 500.000 đồng và 900.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 118.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.900.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.830.137 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.069.863 đồng.

9. Bà Trần Thị Ngọc A (tên thường gọi T6) vay 09 (chín) lần với tổng số tiền vay là 105.000.000 đồng, với lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng và 500.000 đồng. Bà A đã trả đủ tiền đã vay. Tổng số tiền lãi đã trả là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.561.644 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.938.356 đồng.

10. Bà Trương Thị Mỹ N1 vay 08 (tám) lần, từ tháng 07/2022, với tổng số tiền vay là 110.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền bà N1 phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng và 500.000 đồng. Bà N1 đã trả đủ tiền gốc vay. Tổng số tiền lãi đã

trả cho M là 11.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.753.425 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 9.246.575 đồng.

11. Bà Kiều Việt H2 vay 06 (sáu) lần, trong thời gian từ tháng 10/2022, với tổng số tiền vay là 105.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 600.000 đồng và 800.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 95.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.301.370 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 9.198.630 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị B vay 02 (hai) lần, trong thời gian từ tháng 11/2022, với tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền bà B phải trả mỗi ngày là 800.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 20.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 284.932 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.715.068 đồng.

13. Bà Huỳnh Thị Thu H3 vay 02 (hai) lần, trong thời gian từ tháng 09/2021, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 16.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 224.658 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.775.342 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị Kim P vay 06 (sáu) lần, trong thời gian từ tháng 9/2022, với tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,333%/ngày (tương đương với 122%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng. Bà P đã trả đủ tiền gốc. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.479.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.520.548 đồng.

15. Bà Võ Thị C vay 10 (mười) lần, trong thời gian từ tháng 8/2022, với tổng số tiền vay là 145.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền bà C phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng. Tiền gốc đã trả 131.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 14.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.134.247 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 12.365.753 đồng.

16. Bà Lê Thị Ngân T3 vay 08 (tám) lần, trong thời gian từ tháng 8/2022, với tổng số tiền vay 80.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng. Tiền gốc đã trả 70.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 969.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.030.137 đồng.

17. Bà Phạm Thị Mỹ D3 vay 14 (mười bốn) lần, trong thời gian từ tháng 7/2022, với tổng số tiền vay là 85.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,50%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 183%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 50.000 đồng, 200.000 đồng và 300.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 76.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi

theo pháp luật quy định là 1.186.027 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.313.973 đồng.

18. Bà Nguyễn Thị Hồng L1 vay 06 (sáu) lần, trong thời gian từ tháng 6/2022, với tổng số tiền vay là 115.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng và 800.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 110.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 11.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.550.685 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 9.949.315 đồng.

19. Bà Nguyễn Thị M1 vay 15 (mười lăm) lần, trong thời gian từ tháng 7/2022, với tổng số tiền vay là 190.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng và 500.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 168.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 19.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.602.740 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.397.260 đồng.

20. Bà Trần Thị N2 vay 07 (bảy) lần, trong thời gian từ tháng 9/2022, với tổng số tiền vay là 90.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng và 800.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 76.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.046.575 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.953.425 đồng.

21. Bà Nguyễn Thị B1 vay 07 (bảy) lần, trong thời gian từ tháng 5/2022, với tổng số tiền vay là 105.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày (tương đương với 122%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 95.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 10.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.561.644 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 8.938.356 đồng.

22. Bà Nguyễn Thị Hồng S1 vay 08 (tám) lần, trong thời gian từ tháng 8/2022, với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 70.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 969.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 7.030.137 đồng.

23. Bà Phạm Thị Kim N3 vay 08 (tám) lần, trong thời gian từ tháng 07/2022, với tổng số tiền vay là 195.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 500.000 đồng, 800.000 đồng và 1.000.000 đồng. Bà N3 đã trả đủ số tiền vay của Mỹ. Tổng số tiền lãi đã trả là 19.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 3.041.096 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.458.904 đồng.

24. Bà Lê Thị Mỹ L2 vay 03 (ba) lần, trong thời gian từ tháng 9/2022, với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng. Bà L2 đã trả đủ tiền gốc

vay là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 410.959 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.589.041 đồng.

25. Bà Hồ Thị Kim L3 vay 01 (một) lần, trong thời gian từ tháng 10/2022, với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,33%/ngày (tương đương với 122%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 1.000.000 đồng. Bà L3 đã trả đủ số tiền vay cho M. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 493.151 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.506.849 đồng.

26. Bà Võ Thị D4 vay 05 (năm) lần, trong thời gian từ tháng 8/2022, với tổng số tiền vay 70.000.000 đồng, với lãi suất 0,33%/ngày 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng và 500.000 đồng. Bà D4 đã trả đủ tiền đã vay. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.123.288 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.876.712 đồng.

27. Ông Nguyễn Hoàn N4 vay 03 (ba) lần, trong thời gian từ tháng 11/2022, với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng, với lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 600.000 đồng và 1.200.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 36.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 493.151 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.506.849 đồng.

28. Bà Phan Thị T4 vay 10 (mười) lần, trong thời gian từ tháng 7/2022, với tổng số tiền vay là 480.000.000 đồng, với lãi suất 0,33%/ngày đến 0,40%/ngày (tương đương với 122%/năm đến 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Tiền gốc đã trả là 432.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 48.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 6.000.000 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 42.000.000 đồng.

29. Nguyễn Tấn H4 vay 01 (một) lần, trong tháng 11/2022, với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, với lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền anh H4 phải trả mỗi ngày là 600.000 đồng. Tiền gốc đã trả 7.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 106.849 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.393.151 đồng.

30. Bà Văn Thị H5 vay 01 (một) lần, tháng 11/2022, với số tiền vay 10.000.000 đồng, với lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm), số tiền phải trả mỗi ngày là 400.000 đồng. Bà H5 đã trả đủ tiền gốc đã vay cho M. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 863.014 đồng.

* *Vật chứng thu giữ gồm:* Tiền ngân hàng N7 450.000 đồng; 12 (mười hai) cuốn sổ, loại vở học sinh; 04 (bốn) cuốn sổ tay màu đen; 11 (mười một) giấy mượn tiền viết tay của người vay; 05 (năm) sổ hộ khẩu photocopy của người vay tiền. 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent, màu trắng, biển kiểm soát 76A-176.32; 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro Max có gắn 01 (một)

sim điện thoại số 8984048000076973690; 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Lê Thị Thúy M; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh có gắn 01 (một) sim điện thoại, có số thuê bao 0974742117; Tiền ngân hàng N7 3.000.000 đồng; 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Nguyễn Cảnh D.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thúy M, Nguyễn Cảnh D phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 17, 35; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy M từ 250.000.000 (*Hai trăm năm mươi triệu*) đồng đến 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 17, 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh D từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước.

* *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị tuyên tịch thu, sung quỹ: Số tiền 450.000đồng của bị cáo M; 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro Max có gắn 01 (một) sim điện thoại số 8984048000076973690 của bị cáo M và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh có gắn 01 (một) sim điện thoại, có số thuê bao 0974742117 của bị cáo Nguyễn Cảnh D. Vì đây là tài sản, công cụ phương tiện có liên quan đến việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Lê Thị Thúy M số 9704151543677554. Vì đây là tài sản có liên quan đến việc phạm tội

- Tuyên trả lại 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Nguyễn Cảnh D, số I và số tiền 3.000.000đồng cho Nguyễn Cảnh D. Vì đây là tài sản không có liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc thi hành án, đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000đồng.

- Lưu hồ sơ vụ án: 12 (mười hai) cuốn sổ, loại vở học sinh; 04 (bốn) cuốn sổ tay màu đen; 11 (mười một) giấy mượn tiền viết tay của người vay; 05 (năm) sổ hộ khẩu phổ thông của người vay tiền.

* *Về biện pháp tư pháp*:

- Khi bị Công an bắt, tổng số tiền gốc bị cáo thu được từ người vay 3.177.800.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bà Phạm Thị Mỹ D3 đã trả cho bị cáo M (thông qua người nhà của bị cáo M) với số tiền gốc 1.500.000 đồng. Tổng số tiền gốc bị cáo M đã thu của người vay là 3.179.300.000 đồng. Đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội. Buộc bị cáo M phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền gốc đã thu 3.179.300.000đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả với tổng số tiền là 265.700.000 đồng để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị T nộp 13.600.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Túy H nộp 7.200.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L nộp 6.400.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Bích T1 nộp 12.500.000 đồng
- + Bà Đặng Thị D2 nộp 12.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị K nộp 5.500.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T2 nộp 6.400.000 đồng,
- + Bà Kiều Việt H2 nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B nộp 19.200.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Thu H3 nộp 3.600.000 đồng,
- + Bà Võ Thị C nộp 13.500.000 đồng,
- + Bà Lê Thị Ngân T3 nộp 9.200.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Mỹ D3 nộp 7.400.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L1 nộp 4.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị M1 nộp 21.600.000 đồng,
- + Bà Trần Thị N2 nộp 13.600.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B1 nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng S1 nộp 9.200.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hoàn N4 nộp 24.000.000 đồng,
- + Bà Phan Thị T4 nộp 48.000.000đồng
- + Ông Nguyễn Tấn H4 nộp 7.200.000 đồng.

- Buộc bị cáo M trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) cho những người vay với tổng số tiền 296.286.575 đồng, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị T là 22.624.658 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Túy H là 2.739.726 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L là 15.991.781 đồng,
- + Bà Phạm Thị Bích T1 là 26.527.397 đồng,
- + Bà Võ Thị Ngọc H1 là 7.520.548 đồng,
- + Bà Đặng Thị D2 là 11.394.521 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị K là 3.850.685 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T2 là 11.069.863 đồng,
- + Bà Trần Thị Ngọc A là 8.938.356 đồng,

- + Bà Trương Thị Mỹ N1 là 9.246.575 đồng,
- + Bà Kiều Việt H2 là 9.198.630 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B là 3.715.068 đồng.
- + Bà Huỳnh Thị Thu H3 là 1.775.342 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Kim P là 7.520.548 đồng,
- + Bà Võ Thị C là 12.365.753 đồng,
- + Bà Lê Thị Ngân T3 là 7.030.137 đồng,
- + Bà Phạm Thị Mỹ D3 là 7.313.973 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L1 là 9.949.315 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị M1 là 16.397.260 đồng,
- + Bà Trần Thị N2 là 7.953.425 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B1 là 8.938.356 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng S1 là 7.030.137 đồng,
- + Bà Phạm Thị Kim N3 là 16.458.904 đồng,
- + Bà Lê Thị Mỹ L2 là 2.589.041 đồng
- + Bà Hồ Thị Kim L3 là 2.506.849 đồng
- + Bà Võ Thị D4 là 5.876.712 đồng
- + Ông Nguyễn Hoàn N4 là 5.506.849 đồng
- + Bà Phan Thị T4 là 42.000.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Tấn H4 là 1.393.151 đồng,
- + Bà Văn Thị H5 là 863.014 đồng.

- Buộc bị cáo M phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 48.613.425 đồng (tiền lãi đã thu theo quy định của pháp luật). Vì đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo.

** Những tình tiết có liên quan đến vụ án:*

- Người tên T7 có tham gia đi cùng với bị cáo D, M đến nhà người vay tiền để đòi tiền cho bị cáo M và những người vay tiền của M có tên, Q, H, T8, H7, B2, C1, Mỹ tóc, X, V chợ hàng rượu, N3 gà, S2, H8, Q1, T9, K1, N6, D3 nail, V1, H9, N3. Trong quá trình điều tra, không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

- Đối với các số điện thoại của người vay có tại dữ liệu điện thoại di động và sổ theo dõi vay tiền của bị cáo M. Cơ quan điều tra đã tiến hành liên lạc triệu tập làm việc, nhưng thuê bao không liên lạc được và cơ quan điều tra có văn bản gửi nhà mạng nhưng nhà mạng chưa có kết quả trả lời.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu trắng, biển kiểm soát 76A-176.32 là tài sản chung của bị cáo M và chồng ông Phạm Hiệp. Tài sản này do bị cáo M và ông Phạm H6 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP T11 để vay tiền. Việc bị cáo M đưa xe ô tô trên cho bị cáo D chở M đi thu tiền trong hoạt động cho vay lãi nặng thì Ngân hàng và ông Phạm Hiệp hoàn toàn không biết. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Q đã trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 76A-176.32 cho Ngân hàng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

I. Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về giới hạn của việc xét xử: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy còn có một số tình tiết nội dung của vụ án chưa được làm sáng tỏ. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhằm đảm bảo cho việc xét xử đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi để điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án. Nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[3] Việc xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các ông, bà: Nguyễn Thị T; Huỳnh Thị Túy H; bNguyễn Thị Hồng Liên; Phạm Thị Bích T1; Võ Thị Ngọc H1; Đặng Thị D2; Nguyễn Thị K; Nguyễn Thị T2, Trần Thị Ngọc A, Trương Thị Mỹ N1; Kiều Việt H2; Nguyễn Thị B; Huỳnh Thị Thu H3; Nguyễn Thị Kim P; Võ Thị C; Lê Thị Ngân T3; Phạm Thị Mỹ D3; Nguyễn Thị Hồng L1; Nguyễn Thị M1; Trần Thị N2, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị Hồng S1; Phạm Thị Kim N3; Lê Thị Mỹ L2; Hồ Thị Kim L3; Võ Thị D4; Nguyễn Hoàn N4; Phan Thị T4, Nguyễn Tấn H4; Văn Thị H5, Phạm H6, chị Lê Thị Xuân M2; chị Nguyễn Thị N5. Tuy nhiên, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, vì việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, lời khai của họ đã thể hiện tại hồ sơ vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

II. Về nội dung vụ án:

[1] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên tòa các bị cáo M, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của các bị cáo M, D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/3/2022 đến ngày 24/11/2022, bị cáo Lê Thị Thúy M đã thực hiện giao dịch dân sự cho 30 người tại địa bàn thành phố Q và huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vay tiền với tổng số tiền cho vay là 3.445.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được là 344.900.000 đồng (trong đó lãi đúng pháp luật 48.613.425 đồng; lãi vượt mức quy định 296.286.575 đồng), tương ứng với mức lãi suất do bị cáo đã thực hiện là 122%/năm đến 183%/năm, vượt quá với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 6,1 đến 9,15 lần và bị báo Mỹ đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là 296.286.575 đồng.

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất như sau: “ 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất... ”.

Bị cáo D đã quen biết với bị cáo M từ tháng 10/2022, khi quen biết bị cáo M nhờ bị cáo D chỉ cho M học lái xe ô tô, trong quá trình chỉ học lái xe ô tô bị cáo D biết được bị cáo M có cho vay, thu tiền vay. Sau đó bị cáo D có điều khiển xe ô tô 76A- 176.32 chở bị cáo M đi cho vay tiền, thu tiền từ hoạt động cho vay lãi nặng; in hình của người vay chêm trả tiền dán trước nhà người vay tiền để họ trả tiền vay cho M và D đều làm theo các yêu cầu của Mỹ, thỉnh thoảng Mỹ đưa cho bị cáo D 200.000 đồng - 300.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Thị Thúy M, Nguyễn Cảnh D có đủ yếu tố cấu thành tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Các bị cáo M, D đều nhận thức được hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về lĩnh vực kinh tế, các bị cáo đều đủ tuổi

chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý, vì mục đích thu lợi bất chính. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo M, D không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, chặt chẽ cho từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo M là người có vai trò chính, là người thực hành, trực tiếp cho vay và thu lợi bất chính với tổng số tiền 296.286.575 đồng. Còn đối với bị cáo Nguyễn Cảnh D phạm tội với vai trò đồng phạm là người giúp sức cho bị cáo M để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

[3] *Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:* Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, các bị cáo M, D đều không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo M, khi phạm tội còn đang mang thai thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự. Bị cáo D đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có ông, bà ngoại ông Trần Kim S3, bà Lê Thị L4 đều là những người có công với Nhà nước được Thủ tướng C3 kỷ niệm chương và Huân chương kháng chiến hạng ba trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Xét vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng, để giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[4] *Các tình tiết có liên quan trong vụ án:*

- Người tên T7 có tham gia đi cùng với bị cáo D, M đến nhà người vay tiền để đòi tiền cho bị cáo M và những người vay tiền của M có tên, Q, H, T8, H7, B2, C1, Mỹ tóc, X, V chợ hàng rượu, N3 gà, S2, H8, Q1, T9, K1, N6, D3 nail, V1, H9, N3 thì trong quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của những người này. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Q không đủ căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về các số điện thoại của người vay có tại dữ liệu điện thoại di động và số theo dõi vay tiền của bị cáo M. Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc, nhưng thuê bao không liên lạc được và cơ quan điều tra đã có văn bản gửi nhà mạng nhưng nhà mạng chưa có kết quả trả lời. Nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xem xét, giải quyết.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu trắng, biển kiểm soát 76A-176.32 do Lê Thị Thúy M đứng tên chủ sở. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Lê Thị Thúy M và ông Phạm Hiệp . Tài sản này do bị cáo M cùng chồng là ông Phạm H6 đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP T11 để vay tiền. Việc bị cáo M sử dụng xe ô tô làm phương tiện đi thu tiền trong hoạt động cho vay lãi nặng thì Ngân hàng TMCP T11 và chồng của bị cáo ông Phạm H6 đều không biết. Vì vậy, trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 76A-176.32 cho Ngân hàng là phù hợp.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro Max có gắn 01 (một) sim điện thoại số 8984048000076973690 của bị cáo M và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh có gắn 01 (một) sim điện thoại, có số thuê bao 0974742117 của bị cáo D. Vì đây là tài sản, công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Lê Thị Thúy M số 9704151543677554. Vì đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Nguyễn Cảnh D, số I cho bị cáo Nguyễn Cảnh D. Vì đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04-5-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 450.000đồng. Vì đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho bị cáo D. Vì đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội. Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc thi hành án, cần tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng của Nguyễn Cảnh D.

(Theo uỷ nhiệm chi ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa Công an Thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại kho bạc nhà nước Q3)

- Lưu hồ sơ vụ án: 12 (mười hai) cuốn sổ, loại vở học sinh; 04 (bốn) cuốn sổ tay màu đen; 11 (mười một) giấy mượn tiền viết tay của người vay; 05 (năm) sổ hộ khẩu phổ thông của người vay tiền. Đây là tài liệu về hoạt động cho vay lãi nặng của bị cáo M.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền gốc mà bị cáo M đã cho vay là 3.445.000.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 3.179.300.000 đồng. Xét thấy, đây là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo M phải nộp số tiền 3.179.300.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 48.613.425 đồng là tiền lãi do bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nhưng khoản tiền này phát sinh từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo M phải nộp số tiền 48.613.425 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[6.3] Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho bị cáo: Đây là phương tiện phạm tội nên buộc những người vay phải nộp để sung ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 265.700.000 đồng, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị T nộp 13.600.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Túy H nộp 7.200.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L nộp 6.400.000 đồng,

- + Bà Phạm Thị Bích T1 nộp 12.500.000 đồng,
- + Bà Đặng Thị D2 nộp 12.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị K nộp 5.500.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị T2 nộp 6.400.000 đồng,
- + Bà Kiều Việt H2 nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B nộp 19.200.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Thu H3 nộp 3.600.000 đồng,
- + Bà Võ Thị C nộp 13.500.000 đồng,
- + Bà Lê Thị Ngân T3 nộp 9.200.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Mỹ D3 nộp 7.400.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L1 nộp 4.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị M1 nộp 21.600.000 đồng,
- + Bà Trần Thị N2 nộp 13.600.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B1 nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng S1 nộp 9.200.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hoàn N4 nộp 24.000.000 đồng,
- + Bà Phan Thị T4 nộp 48.000.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Tấn H4 nộp 7.200.000 đồng.

[6.4] Đối với số tiền là 296.286.575 đồng mà bị cáo đã thu lãi vượt quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đây là khoản tiền mà bị cáo M thu lợi bất chính của những người vay. Buộc bị cáo M phải trả lại cho những người vay, cụ thể:

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 22.624.658 đồng,
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị T10 Hoa 2.739.726 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L 15.991.781 đồng,
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Bích T1 26.527.397 đồng,
- + Trả lại cho bà Võ Thị Ngọc H1 7.520.548 đồng,
- + Trả lại cho bà Đặng Thị D2 11.394.521 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 3.850.685 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 11.069.863 đồng,
- + Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc A 8.938.356 đồng,
- + Trả lại cho bà Trương Thị Mỹ N1 9.246.575 đồng,
- + Trả lại cho bà Kiều Việt H2 9.198.630 đồng,

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị B 3.715.068 đồng,
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H3 1.775.342 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P 7.520.548 đồng,
- + Trả lại cho bà Võ Thị C 12.365.753 đồng,
- + Trả lại cho bà Lê Thị Ngân T3 7.030.137 đồng,
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ D3 8.900.000 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L1 9.949.315 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị M1 16.397.260 đồng,
- + Trả lại cho bà Trần Thị N2 7.953.425 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị B1 8.938.356 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng S1 7.030.137 đồng,
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Kim N3 16.458.904 đồng,
- + Trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L2 2.589.041 đồng,
- + Trả lại cho bà Hồ Thị Kim L3 2.506.849 đồng,
- + Trả lại cho bà Võ Thị D4 5.876.712 đồng,
- + Trả lại cho ông Nguyễn Hoàn N4 5.506.849 đồng,
- + Trả lại cho bà Phan Thị T4 48.000.000 đồng,
- + Trả lại cho ông Nguyễn Tấn H4 1.393.151 đồng,
- + Trả lại cho bà Văn Thị H5 863.014 đồng.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo M là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo D là có phần hơi nghiêm.

[13] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Thúy M và Nguyễn Cảnh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thúy M, Nguyễn Cảnh D phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 17, 35 Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy M 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh D 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

** Xử lý vật chứng:*

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11 Pro Max có gắn 01 (một) sim điện thoại số 8984048000076973690 của bị cáo M và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh có gắn 01 (một) sim điện thoại, có số thuê bao 0974742117 của bị cáo D.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Lê Thị Thúy M số 9704151543677554.

- Trả lại 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 tên Nguyễn Cảnh D, số I cho bị cáo Nguyễn Cảnh D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04-5-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 450.000đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của bị cáo D để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo uỷ nhiệm chi ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa Công an Thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại kho bạc nhà nước Q3)

- Lưu hồ sơ vụ án: 12 (mười hai) cuốn sổ, loại vở học sinh; 04 (bốn) cuốn sổ tay màu đen; 11 (mười một) giấy mượn tiền viết tay của người vay; 05 (năm) sổ hộ khẩu phổ thông của người vay tiền.

** Biện pháp tư pháp:*

- Buộc bị cáo Lê Thị Thúy M phải nộp tổng số tiền 3.227.913.425 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả đủ cho bị cáo để sung ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 265.700.000 đồng, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị T nộp 13.600.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Túy H nộp 7.200.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L nộp 6.400.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Bích T1 nộp 12.500.000 đồng,
- + Bà Đặng Thị D2 nộp 12.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị K nộp 5.500.000 đồng,

- + Bà Nguyễn Thị T2 nộp 6.400.000 đồng,
- + Bà Kiều Việt H2 nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B nộp 19.200.000 đồng,
- + Bà Huỳnh Thị Thu H3 nộp 3.600.000 đồng,
- + Bà Võ Thị C nộp 13.500.000 đồng,
- + Bà Lê Thị Ngân T3 nộp 9.200.000 đồng,
- + Bà Phạm Thị Mỹ D3 nộp 7.400.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng L1 nộp 4.800.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị M1 nộp 21.600.000 đồng,
- + Bà Trần Thị N2 nộp 13.600.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị B1 nộp 10.000.000 đồng,
- + Bà Nguyễn Thị Hồng S1 nộp 9.200.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Hoàn N4 nộp 24.000.000 đồng,
- + Bà Phan Thị T4 nộp 48.000.000 đồng,
- + Ông Nguyễn Tấn H4 nộp 7.200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Thị Thúy M phải trả lại cho những người vay với tổng số tiền 296.286.575 đồng cụ thể:

- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 22.624.658 đồng,
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị T10 Hoa 2.739.726 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L 15.991.781 đồng,
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Bích T1 26.527.397 đồng,
- + Trả lại cho bà Võ Thị Ngọc H1 7.520.548 đồng,
- + Trả lại cho bà Đặng Thị D2 11.394.521 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 3.850.685 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 11.069.863 đồng,
- + Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc A 8.938.356 đồng,
- + Trả lại cho bà Trương Thị Mỹ N1 9.246.575 đồng,
- + Trả lại cho bà Kiều Việt H2 9.198.630 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị B 3.715.068 đồng,
- + Trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H3 1.775.342 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim P 7.520.548 đồng,
- + Trả lại cho bà Võ Thị C 12.365.753 đồng,
- + Trả lại cho bà Lê Thị Ngân T3 7.030.137 đồng,

- + Trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ D3 7.313.973 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L1 9.949.315 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị M1 16.397.260 đồng,
- + Trả lại cho bà Trần Thị N2 7.953.425 đồng
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị B1 8.938.356 đồng,
- + Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng S1 7.030.137 đồng,
- + Trả lại cho bà Phạm Thị Kim N3 16.458.904 đồng,
- + Trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L2 2.589.041 đồng,
- + Trả lại cho bà Hồ Thị Kim L3 2.506.849 đồng,
- + Trả lại cho bà Võ Thị D4 5.876.712 đồng,
- + Trả lại cho ông Nguyễn Hoàn N4 5.506.849 đồng,
- + Trả lại cho bà Phan Thị T4 42.000.000 đồng,
- + Trả lại cho ông Nguyễn Tấn H4 1.393.151 đồng,
- + Trả lại cho bà Văn Thị H5 863.014 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị Thúy M và Nguyễn Cảnh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP T11 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CATP Quảng Ngãi;
- CATP Quảng Ngãi (Bộ phận lưu trữ, NV);
- CQTHAHS CATP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Lê Thị Na Na